

BẢNG ĐIỂM TỔNG HỢP LỚP TMT24B4
HỌC KỲ II NĂM HỌC 2024-2025

STT	MSHS	Họ và tên		Ngày sinh	Tiếng anh(4)	Điện tử căn bản(5)	Lắp ráp và cài đặt máy tính(5)	Điểm TB	Xếp loại
01	2454801020746	Nguyễn Quốc	Duy	09/09/2009	5.5	5.6	8.3	6.5	Trung bình
02	2454801020747	Trần Nguyễn Thanh	Duy	18/10/2009	7.0	6.7	7.2	7.0	Khá
03	2454801020748	Trần Tiến	Đạt	03/03/2009	6.2	5.5	6.7	6.1	Trung bình
04	2454801020749	Nguyễn Thành	Đức	29/03/2009	7.1	6.2	8.1	7.1	Khá
05	2454801020750	Phùng Thị Ngọc	Giàu	16/12/2009	5.5	6.5	8.1	6.8	Trung bình
06	2454801020752	Dương Văn	Hậu	10/06/2009	7.1	5.1	8.3	6.8	Trung bình
07	2454801020753	Nguyễn Văn Phúc	Hậu	25/01/2009	6.2	5.9	6.9	6.3	Trung bình
08	2454801020754	Trương Bảo	Hoàng	03/09/2008	6.0	6.2	7.4	6.6	Trung bình
09	2454801020757	Phan Thanh	Khải	25/02/2009	7.7	8.7	8.0	8.2	Giỏi
10	2454801020758	Đặng Thành	Khang	25/11/2009	2.6	8.1	6.8	3.2	Yếu
11	2454801020759	Đỗ Tuấn	Khang	21/04/2009	6.9	8.6	8.0	7.9	Khá
12	2454801020760	Phan Thanh	Khang	28/09/2005	8.5	8.5	8.4	8.5	Giỏi
13	2454801020762	Võ Nguyên	Khoa	18/11/2008	3.1	5.7	8.2	5.9	Trung bình
14	2454801020763	Mai Trúc	Lam	10/03/2009	6.3	6.4	0.0	4.1	Yếu
15	2454801020764	Nguyễn Thành Hiếu	Nghĩa	28/11/2008	7.8	6.9	7.5	7.4	Khá
16	2454801020765	Nguyễn Lê Bảo	Nguyên	09/12/2009	6.7	8.6	8.5	8.0	Giỏi
17	2454801020767	Lê Thành	Nhuận	24/11/2009	7.3	6.2	8.1	7.2	Khá
18	2454801020768	Nguyễn Bảo Hồng	Phúc	16/10/2009	7.5	6.3	8.9	7.6	Khá
19	2454801020769	Bùi Minh	Quân	18/10/2008	7.7	5.9	8.1	7.2	Khá
20	2454801020770	Trần Đồng Minh	Quân	15/01/2008	3.0	0.0	8.1	3.8	Yếu
21	2454801020771	Phan Văn	Quyển	12/02/2009	3.0	0.0	7.4	3.5	Yếu

STT	MSHS	Họ và tên		Ngày sinh	Tiếng anh(4)	Điện tử căn bản(5)	Lắp ráp và cài đặt máy tính(5)	Điểm TB	Xếp loại
22	2454801020772	Ngô Bảo	Sang	02/02/2009	8.0	8.2	9.5	8.6	Giỏi
23	2454801020773	Nguyễn Văn Bảo	Tài	04/05/2009	6.6	7.5	7.9	7.4	Khá
24	2454801020774	Nguyễn Thành	Tâm	25/06/2009	2.0	0.0	0.0	0.6	Yếu
25	2454801020775	Trần Minh	Tân	09/06/2009	6.8	6.5	8.4	7.3	Khá
26	2454801020776	Nguyễn Thị Phương	Thảo	18/07/2009	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu
27	2454801020777	Lai Thị Anh	Thơ	07/08/2009	5.9	0.0	6.8	4.1	Yếu
28	2454801020778	Nguyễn Trung	Tín	14/08/2009	7.2	6.2	8.6	7.3	Khá
29	2454801020780	Lâm Bảo	Toàn	02/10/2009	6.9	6.7	8.0	7.2	Khá
30	2454801020781	Dương Phát	Triển	28/01/2009	6.2	5.1	7.2	6.2	Trung bình
31	2454801020782	Nguyễn Thị Tường	Vy	30/03/2008	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu
32	2454801020783	Nguyễn Hoàng Như	Ý	15/12/2009	7.1	6.2	7.8	7.0	Khá

TL. HIỆU TRƯỞNG
TP. Đào tạo

Châu Đốc, ngày 31 tháng 07 năm 2025
Người lập bảng

Ths. Trần Thanh Dũng

Trần Quốc Thái